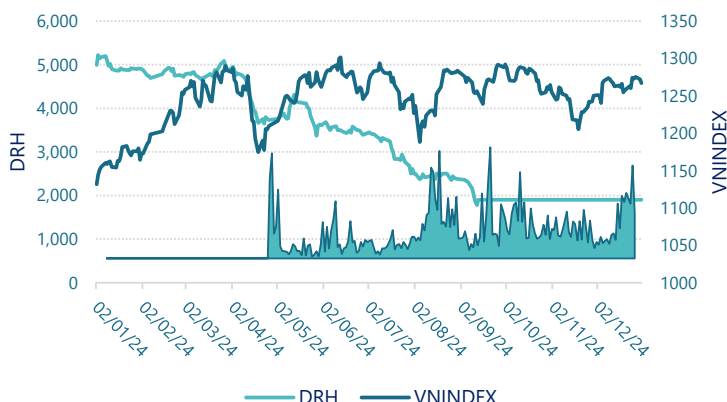


CTCP DRH Holdings (HSX: DRH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	1,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,220
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,780
SL cổ phiếu LH	123,707,866
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
P/E	-1.0
EPS	-1,931

DT thuần

Q4/24

0.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.17 | -25.2%

YoY: ▼0.41 | -44.9%

LN sau thuế

Q4/24

-118

tỷ VNĐ

QoQ: ▼86.3 | -271%

YoY: ▼79.6 | -206%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-4139%

+/- YoY: ▼ 4137%

DT thuần

2024

2.45

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.35 | -72.1%

LN sau thuế

2024

-239

tỷ VNĐ

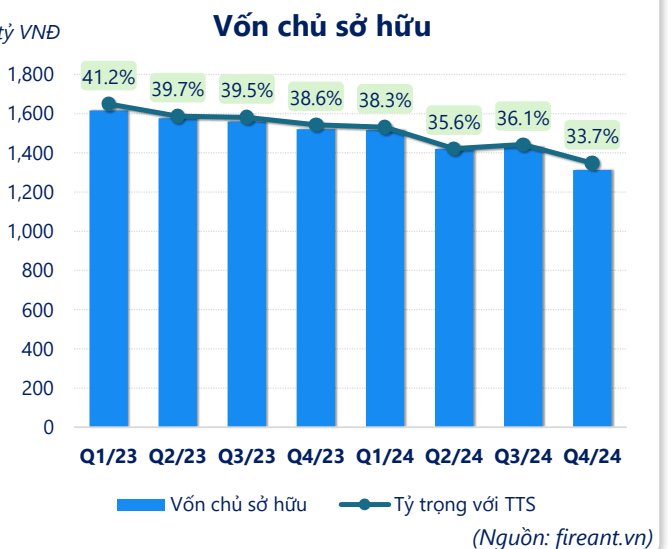
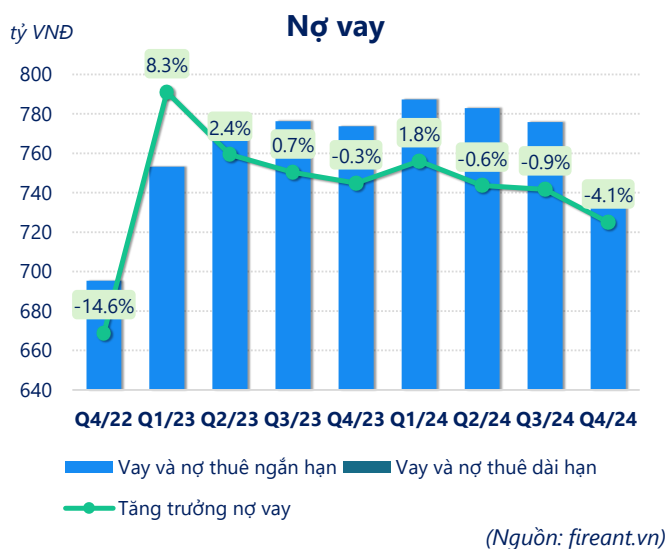
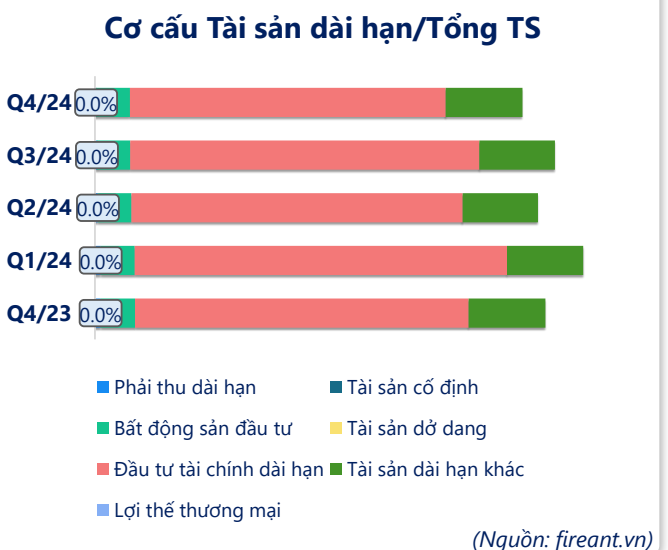
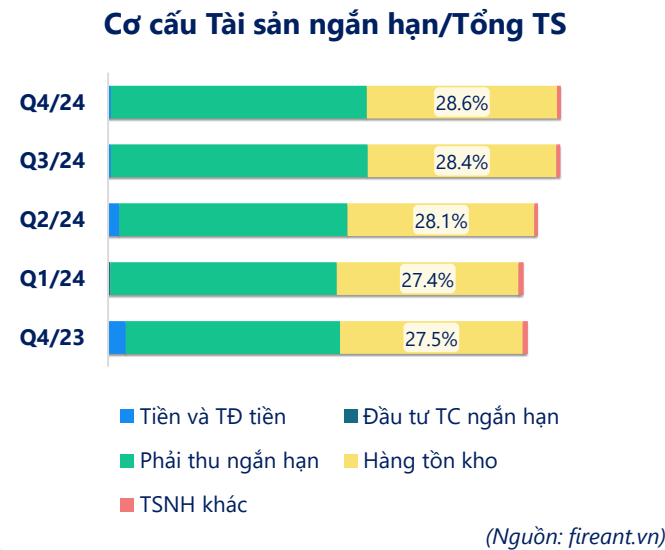
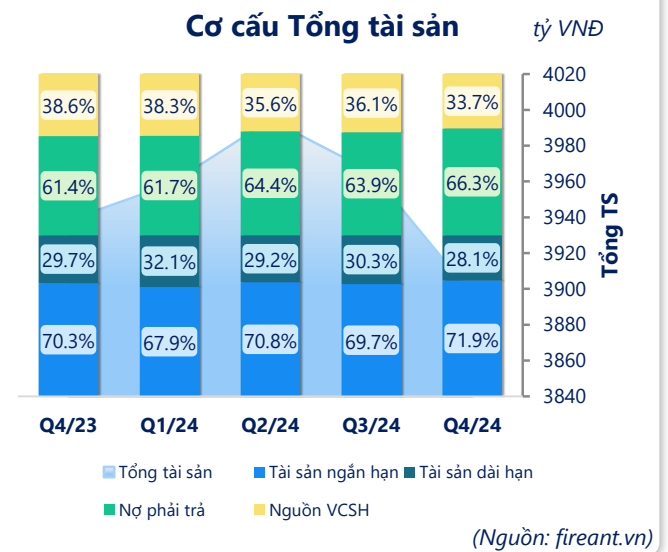
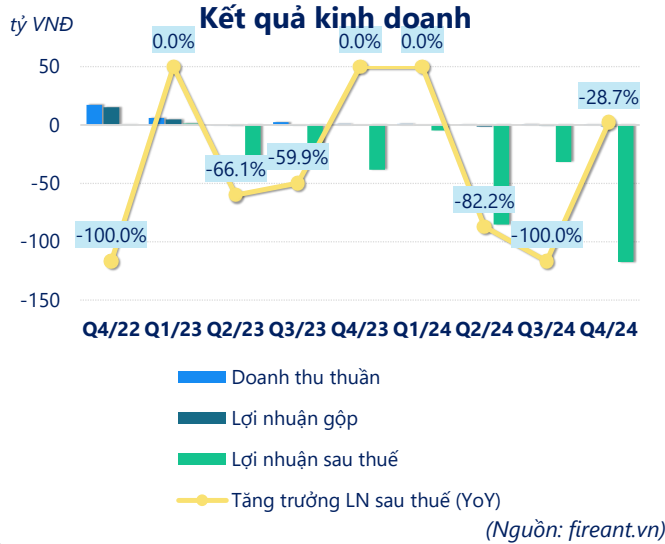
YoY: ▼145 | -154%

ROE

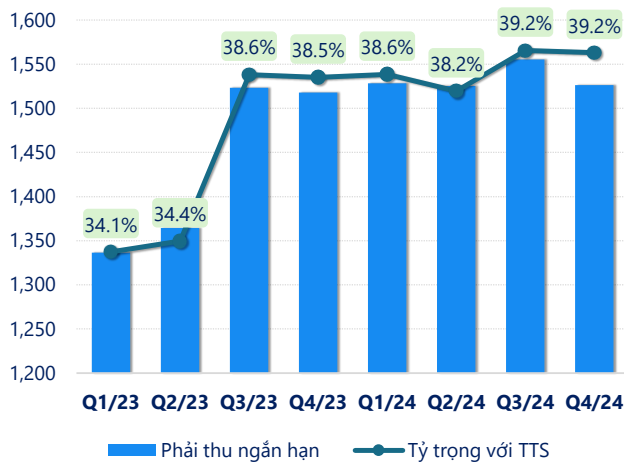
2024

-16.9%

+/- YoY: ▼ 10.9%

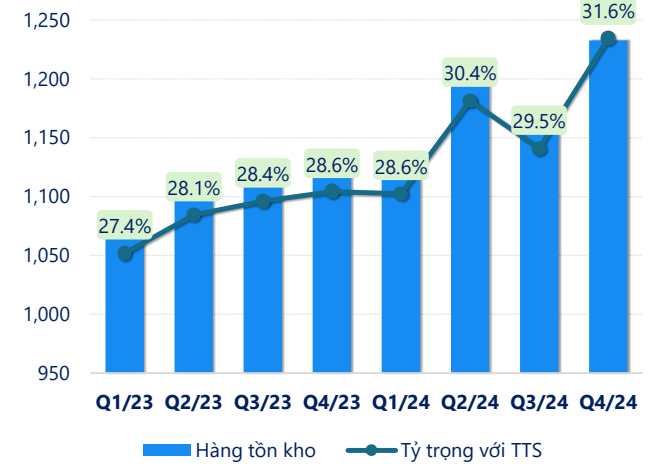


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


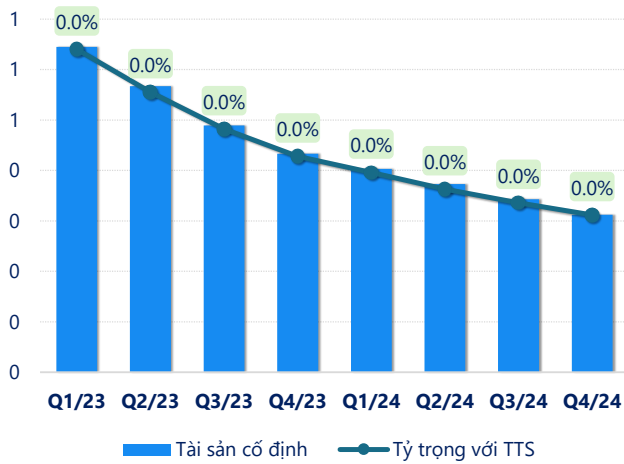
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


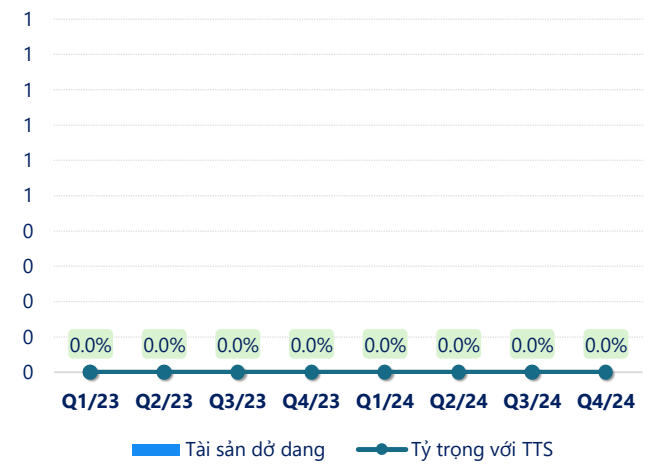
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

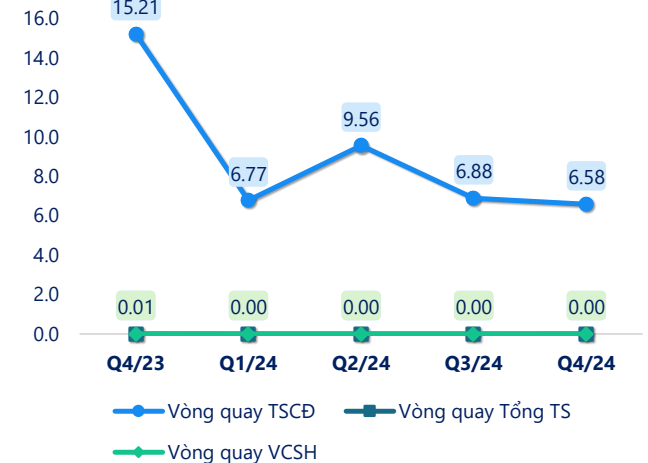
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	3,938	3,958	3,994	3,965	3,897
Tài sản ngắn hạn	2,771	2,686	2,830	2,765	2,800
Tiền và tương đương tiền	104	3.06	66.4	17.5	16.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.83	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,518	1,528	1,525	1,555	1,526
Hàng tồn kho	1,126	1,130	1,215	1,168	1,233
Tài sản ngắn hạn khác	22.3	22.7	23.4	23.7	25.0
Tài sản dài hạn	1,168	1,272	1,165	1,201	1,097
Phải thu dài hạn	14.5	14.7	7.73	5.04	2.80
Tài sản cố định	0.43	0.40	0.37	0.34	0.31
Bất động sản đầu tư	88.6	88.1	87.6	87.1	86.6
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	865	970	871	911	810
Tài sản dài hạn khác	199	199	198	198	197
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,419	2,443	2,574	2,535	2,584
Nợ ngắn hạn	2,415	2,439	2,565	2,527	2,570
Vay và nợ thuê ngắn hạn	774	787	783	776	744
Phải trả người bán ngắn hạn	88.6	85.4	83.3	76.9	82.5
Nợ dài hạn	3.71	4.42	9.70	8.15	14.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,520	1,515	1,420	1,430	1,313
Vốn chủ sở hữu	1,520	1,515	1,420	1,430	1,313
Vốn điều lệ	1,244	1,244	1,244	1,244	1,244
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)